

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **39** /2017/HSST
Ngày : 15-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thái**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Văn Anh**

2/ Bà **Huỳnh Thị Thúy Nga**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Trần Đình Trường**, là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: ông **Đinh Công Quảng**- Kiểm sát Viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại hội trường UBND xã SN, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2017/HSST, ngày 19/7/2017 đối với các bị cáo:

1. Tu A H, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Ấp BC, xã XP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: 8/12;

Tiền án, tiền sự: không.

Con ông (không rõ tên cha), con bà Tu Thị H1.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/5/2017, tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ - Có mặt.

2. Phạm Đức N, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Ấp PM, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: 10/12;

Tiền án: Không; tiền sự: Ngày 04/5/2017 bị Công an xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Con ông Phạm Văn N1 (chết) và bà Vũ Thị Th; chưa có vợ

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/5/2017, tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ - Có mặt.

-Người bị hại:

+ **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1972

Trú tại: Thôn 1, xã DK, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

+ **Lê Thị T**, sinh năm 1974

Trú tại: Thôn 7, xã DK, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

+ **Ngô Thị M**, sinh năm 1973

Trú tại: Tổ 2, thôn 7, xã DK, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt

+ **Nguyễn Thành C**, sinh năm 1982

Trú tại: Tổ 5, thôn 5, xã DK, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

+ **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1989

Trú tại: Ấp 1, xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Hiện đang ở: Thôn 7, xã DK, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh truy tố về các hành vi phạm tội như sau: Khoảng 02 giờ 00 ngày 13/4/2017, Tu A H và Phạm Đức N từ huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai rủ nhau vào huyện Đ, tỉnh Bình Thuận trộm cắp tài sản. H và N đi bằng xe máy có kéo theo xe lôi (xe cộ) phía sau. Khi đến thôn 3, xã SN, huyện Đ, H và N phát hiện ở hiên nhà ông Nguyễn Văn D có nhiều bao đậu phụng (đậu của bà Nguyễn Thị B mua gửi lại nhà ông D). H và N vào vát 05 bao ra bỏ lên xe lôi rồi chạy về nhà của N ở xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cất giấu. Sáng hôm sau nhờ một người tên Luân (hiện chưa xác định được lai lịch) đem đi bán dùm lấy tiền tiêu xài.

Theo ông D khai 05 bao đậu phụng bà B gửi bị mất gồm: 01 bao nặng 48kg, 01 bao 47kg, 01 45kg, 02 bao 40kg. Theo H và N mỗi bao nặng khoảng 50kg.

Kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 16/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đức Linh xác định: đậu phụng của bà B bị mất là 225kg có giá trị 4.837.500 đồng.

Quá trình điều tra chứng minh H và N còn nhiều lần trộm cắp tài sản của nhiều hộ dân ở xã DK, huyện Đ như sau:

Ngày 9/11/2016 trộm của bà Lê Thị T ở thôn 7, xã DK 4 thùng bia tiger, trị giá 1.200.000 đồng.

Ngày 10/01/2017 trộm của bà Ngô Thị M 05 thùng bia Sài gòn xanh, trị giá 1.025.000 đồng.

Trong tháng 01/2017 trộm của ông Nguyễn Văn T1 01 con gà; ngày 7/5/2017 trộm của ông Nguyễn Thành C 01 con gà và 02 con gà của người khác chưa xác định được bị hại, mỗi con gà có giá trị 90.000 đồng.

Vật chứng: 01 tua vít dài 14cm, 01 kìm dài 13cm. Thu giữ trên người N 01 điện thoại hiệu LG Model: T37S và 106.000 đồng. Riêng xe máy biển số 60V3- 9908

là phương tiện H và N dùng vào việc phạm tội, hiện chưa xác định được nguồn gốc, Cơ quan điều tra tạm giữ để tiếp tục xác minh làm rõ.

Tại Cáo trạng số 39/QĐ/KSĐT/VKS-HS ngày 19/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh truy tố Tu A H và Phạm Đức N ra trước Tòa án nhân dân huyện Đức Linh để xét xử về tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, giữ nguyên Cáo trạng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt Tu A H từ 15 đến 18 tháng tù; xử phạt Phạm Đức N từ 15 đến 18 tháng tù.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng và trách nhiệm bồi thường cho những người bị hại.

Các bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố đúng tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho để các bị cáo một phần hình phạt.

Những người bị hại có mặt tại phiên tòa đều không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của 02 bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo, người bị hại;

XÉT THẤY:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, thể hiện: Với mục đích trộm cắp tài sản để có tiền tiêu xài cá nhân và sử dụng chất ma túy, nên từ ngày 09/11/2016 đến ngày 7/5/2017. Tu A H, sinh năm 1987 và Phạm Đức N, sinh năm 1984 đã nhiều lần đi từ huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đến địa bàn xã SN và xã DK, huyện Đ, lén lút trộm cắp tài sản của những người sau: Bà Nguyễn Thị B 225kg đậu phụng, trị giá 4.837.500 đồng, bà Lê Thị T 04 thùng bia Tiger, trị giá 1.200.000 đồng; bà Ngô Thị M 05 thùng bia Sài gòn xanh, trị giá 1.025.000 đồng; ông Nguyễn Thành C 01 con gà, trị giá 90.000 đồng; ông Nguyễn Văn T1 01 con gà, trị giá 90.000 đồng và 02 con gà (không rõ người bị hại), trị giá 180.00 đồng. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị 7.422.500 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp Tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây lo lắng, bức xúc trong nhân dân, nên cần xử phạt để răn đe, phòng ngừa.

Xét về tính chất, mức độ, động cơ phạm tội và vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đều là người thực hành

và có vai trò như nhau- Tức cùng rủ nhau đi trộm cắp, khi phát hiện tài sản thì nhanh chóng cùng nhau chiếm đoạt đưa đi tiêu thụ và lấy tiền chia nhau tiêu xài. Tính chất nguy hiểm của hành vi: Các bị cáo chủ yếu lợi dụng vào ban đêm, đi trộm bằng xe máy có kéo theo xe lôi phía sau, nhằm để có thể chiếm đoạt, vận chuyển những loại tài sản có kích cỡ lớn như bao đậu phụng, bia được dễ dàng. Điều này thể hiện các bị cáo liều lĩnh, táo bạo, bởi tài sản các bị cáo chiếm đoạt rất dễ bị phát hiện. Qua đó cho thấy các bị cáo xem thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo khai báo thành khẩn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, p khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Vật chứng trong vụ án: Cây kim và tua vít là dụng cụ các bị cáo đem theo nhằm mục đích dùng và việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy, vì giá trị không lớn. Tiền và điện thoại của bị cáo N, không liên quan đến vụ án. Tuy nhiên cần tạm giữ số tiền để đảm bảo một phần thi hành án. Đối với chiếc xe máy biển số 60V3- 9908 chưa rõ nguồn gốc, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để tiếp tục điều tra xác minh và xử lý theo pháp luật là phù hợp, nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Thiệt hại về tài sản của những người bị hại là do hành vi phạm tội của các bị cáo gây nên, mức độ lỗi của các bị cáo là như nhau và cùng nhau hưởng lợi tài sản trộm cắp, nên buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho những người bị hại theo phần bằng nhau và buộc bồi thường theo như giá trị của Hội đồng định giá tài sản là có căn cứ và phù hợp. Riêng giá trị 02 con gà 180.000 đồng không xác định được người bị hại nên truy thu để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Tu A H và Phạm Đức N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Phạt: Tu A H 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam: 16/5/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Phạt: Phạm Đức N 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam: 16/5/2017.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 cây kim dài 13cm và 14 tua vít dài 14cm.

Trả lại cho Phạm Đức N: 01 điện thoại di động hiệu LG, Model: T37S. Tạm giữ số tiền 106.000 đồng của Phạm Đức N để đảm bảo một phần thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 180.000 đồng do thu lợi bất chính

của: Tu A H và Phạm Đức N. Cụ thể buộc: Tu A H và Phạm Đức N mỗi bị cáo phải nộp lại 90.000 đồng.

Kể từ ngày Cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án đối với khoản tiền trên, Tu A H và Phạm Đức N phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584, khoản 1 Điều 586, 587, 589 Bộ luật dân sự buộc Tu A H và Phạm Đức N phải liên đới bồi thường cho: Bà Nguyễn Thị B 4.837.500 đồng; bà Lê Thị T 1.200.000 đồng; bà Ngô Thị M 1.025.000 đồng; ông Nguyễn Văn T1 90.000 đồng; ông Nguyễn Thành C 90.000 đồng.

Cụ thể: Tu A H và Phạm Đức N mỗi bị cáo phải bồi thường cho: Bà Nguyễn Thị B 2.418.750 đồng; bà Lê Thị T 600.000 đồng; bà Ngô Thị M 512.500 đồng; ông Nguyễn Văn T1 45.000 đồng; ông Nguyễn Thành C 45.000 đồng.

Kể từ ngày những người được thi hành án khoản tiền trên có đơn yêu cầu thi hành án, Tu A H và Phạm Đức N còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, 26 Nghị quyết số 326 /2016/ UBTVQH14; buộc: Tu A H và Phạm Đức N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (15/8/2017), người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

TAND, VKSND tỉnh

VKSND, Công an huyện

TTLLTP-QG, Sở Tư pháp Bình Thuận

Chi cục THADS huyện Đức Linh

Những người tham gia tố tụng

Lưu hồ sơ vụ án + Văn Phòng

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái